TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 08-06-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Ngô Công T**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Xuân Ký**; 2. Ông: **Bùi Văn Tinh**;

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Thu Hằng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa: Ông **Phan Văn Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 07/05/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 03/9/1980; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Chổ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch : Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Họ tên bố: Lê Văn T1, sinh năm: 1953, nghề nghiệp: Hưu trí; Họ tên mẹ: Bùi Thị N, sinh năm: 1952, nghề nghiệp: Hưu trí.

Cả hai đều trú tại: Khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Gia đình có 04 anh, em. Bị can là con thứ hai trong gia đình.

Vợ: Lê Thị H, sinh năm: 1980, nghề nghiệp: Buôn bán, chổ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, bị can có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: 01; Ngày 10/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đến ngày 23/11/2012 chấp hành xong hình phạt tù. Nhưng Lê Văn T chưa thi hành số tiền 5.000.000 đồng hình phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Quyết định của bản án trên.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 10/01/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:

1. Anh Lê Bá P – Sinh năm: 1979.

Trú tại: thôn D, thị Trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.(Vắng mặt)

2. Anh: Lê Văn T (Tên gọi khác Lê Minh T) – Sinh năm: 1974.

Trú tại: Số nhà 06, Ngõ Đ, Đường T, Phường Đ, TP. Thanh Hóa.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 04/01/2020, Tổ công tác đội 3, Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý, Công an tỉnh Thanh Hoá đang làm nhiệm vụ tại thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá thì phát hiện và bắt quả tang Lê Văn T đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Lê Bá P, sinh năm: 1979, trú tại: Thôn D, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá tại nhà T ở khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, thu giữ tang vật gồm: 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong đựng cục vụn màu trắng; 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, máy bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng; 01 ví da màu vàng; Tiền Việt Nam 900.000đ (trong đó: 200.000đ là tiền T bán ma tuý cho P; 700.000đ thu trong người T). Khám xét nơi ở của Lê Văn T tại khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá không thu giữ được gì.

Tại Kết luận giám định số 444/PC09 ngày 08/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Các cục vụn màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M gửi giám định là ma tuý, có tổng khối lượng 0,012g; loại: Heroine.

Trong quá trình điều tra Lê Văn T khai nhận: Vào ngày 03/01/2020, T bắt xe ôm từ nhà lên khu vực C8, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hoá để tìm mua ma tuý, khi đến nơi T đi quanh khu vực đó thì gặp một người phụ nữ (Không rõ họ tên và địa chỉ) mua 200.000 đồng ma tuý đem về sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện, sau khi mua xong T đem về nhà sử dụng một ít, số còn lại T cất trong người. Đến khoảng 13 giờ ngày 04/01/2020, khi T đang ở nhà thì có Lê Bá P đến gặp và hỏi mua ma tuý thì T đồng ý bán, P lấy trong người ra hai tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 100.000 đồng đưa cho T, T lấy tiền của P cất vào trong túi quần và lấy từ trong người ra một gói nhỏ ma tuý đưa cho P, khi P đang cầm gói nhỏ ma tuý thì bị Tổ công tác đội 3, Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý, Công an tỉnh Thanh Hoá đến bắt quả tang cùng tang vật vụ án.

Đối với người phụ nữ là người bán chất ma túy cho T, hiện nay không xác định được họ tên và địa chỉ nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xử lý.

Đối với Lê Bá P là người mua ma túy củaT, chất ma túy P mua qua kết luận giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,012g loại: Heroine chưa đủ yếu tố cấu T tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, sau khi lấy lời khai của P thì P đã bỏ trốn, xác minh tại địa phương không có trường hợp nào có họ tên, lý lịch nhân thân như P đã khai báo nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện N không xử lý được.

Đối với 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh, máy bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng; 01 ví da màu vàng, bên trong có 700.000 đồng của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện N ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chị Lê Thị Hà là vợ bị cáo T (được T ủy quyền nhận lại số tài sản trên).

Đối với tang vật vụ án: Tiền Việt Nam 200.000đ, 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Vũ Thị Lan, Lê Thi Huyền và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, phong bì đề vụ: Lê Văn T, bên trong là ma túy. Tiếp tục tạm giữ chuyển Cơ quan Chi cục THADS huyện N, tỉnh Thanh Hoá để chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSNX, ngày 01/4/2020 của VKSND huyện N đã truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38; điều 50 BLHS. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 04/01/2020.

- Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo có sổ hộ cận nghèo, bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Vũ Thị Lan, Lê Thị Huyền và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì niêm phong là ma túy tạm giữ của Lê Văn T còn lại sau giám định. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng là tiền mà T có được do mua bán ma túy.

- Về án phí: Gia đình bị cáo có sổ hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy đinh của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/01/2020, Lê Văn T đã mua của một người phụ nữ (không rõ họ tên và địa chỉ) 200.000đ ma tuý ở khu vực C8, xã Xuân Hoà, huyện N, tỉnh Thanh Hoá đem về sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện. Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 04/01/2020, khi T đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, có tổng khối lượng 0,012g loại: Heroine cho Lê Bá P thì bị Tổ công tác đội 3, Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý, Công an tỉnh Thanh Hoá bắt quả tang cùng tang vật vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu T tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Tội phạm về ma túy là nguy hiểm cho xã hội, nó đang trở T hiểm họa lớn cho toàn xã hội, ma túy không những ảnh hưởng tới sức khỏe, phẩm giá của con người, hạnh phúc của gia đình, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, ma túy chính là tác nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác, chính vì thế Đảng và Nhà nước đã không ngừng tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa các tội phạm về ma túy. Do đó, hành vi của bị cáo T bị xã hội lên án, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội do vậy cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật đồng thời để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T đã có 01 tiền án. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Lẽ ra sau lần phạm tội này bị cáo phải nhận thức

được lỗi lầm của mình để cố gắng cải tạo trở T người có ích cho xã hội, nhưng với bản chất coi thường pháp luật bị cáo lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy bị cáo phải chịu thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tính chất giáo dục răn đe đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: T khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS, giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo (Có giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo). Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Vũ Thị Lan, Lê Thị Huyền và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì niêm phong là ma túy tạm giữ của Lê Văn T. Đây là vật cấm lưu hành, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 200.000 đồng là tiền mà T mua bán ma túy mà có cần áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 BLHS tịch thu xung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với người phụ nữ mà Lê Văn T khai nhận là đã mua ma túy của người này. Do không biết rõ họ tên và địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xác minh, làm rõ. Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Bá P là người đã mua ma túy của bị cáo T, chất ma túy P mua qua giám định là ma túy, có tổng trọng lượng là 0,012g loại Hêrôin chưa đủ yếu tố cấu T tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Quá trình điều tra sau khi lấy lời khai thì P bỏ trốn đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nhưng gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo (Có giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo) nên bị cáo được miễn tiền án phí và bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 và Điều 50 BLHS. Điều 136 BLTTHS 2015; Điểm đ khản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Tịch thu để tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Vũ Thị Lan và Lê Thị Huyền và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Đề vụ Lê Văn T. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng là tiền mà T mua bán ma túy mà có. Số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/04/2020 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về phần án phí: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn